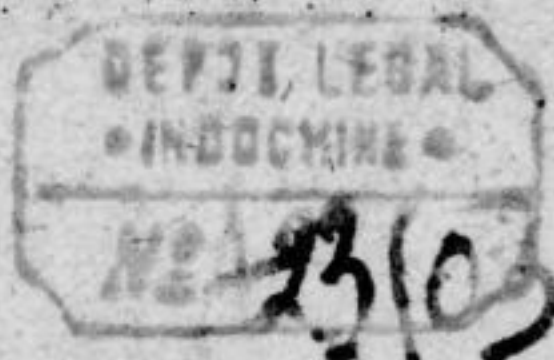


DAI-VIỆT TAP-CHI

Revue bi-mensuelle — Paraissant les 1er et 16 de chaque mois

Giám-Đốc : HỒ-VĂN TRUNG *



CHẤN HƯNG

VĂN-HỌC VIỆT-NAM

HỒ BIỂU-CHÁNH

soạn



Số 53-54 — Ngày 16 Dec. 1941 — 1er Janvier 1945



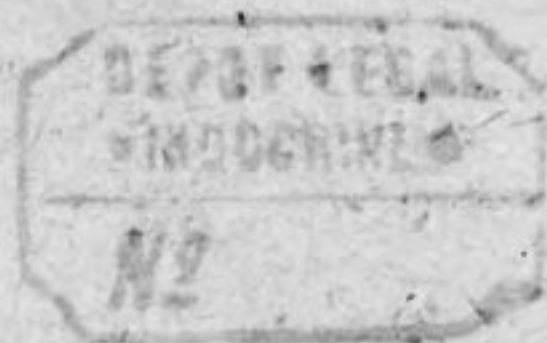
TẬP SÁCH SẼ ĐĂNG BÀI KHẢO CỨU

TRUNG-HOA TIỂU-THUYẾT
LƯỢC BIÊN

VỚI MỘT
ĐOÀN THIÊN TIỂU-THUYẾT

DO
HỒ BIỂU-CHÁNH

SỐAN



CHẤN HƯNG
VĂN-HỌC VIỆT-NAM

I.— VĂN-TỰ CẦN ÍCH CỦA TẤN-HÓA

Mỗi nước hay mỗi dân-tộc cần phải có một văn tự riêng. Đó là một chơn-lý mọi người đều biết, nên chẳng cần phải bàn luận dông-dài.

Phải có văn tự quốc dân mới giao thông với nhau được, giao thông trong các đường sanh-nhai, thương-mại, công-nghệ và tâm trí.

Phải có văn-tự mới phổ thông học-tức trong dân-gian được, mới mở rộng các khoa học thức tối tân cho đến mức hoàn-toàn được.

Nói tóm mọi lời, mỗi nước hay mỗi dân-tộc phải có văn-tự riêng mới có thể tấn-hóa trong các phương-diện tinh-thần, trí thức đạo-đức, quốc-gia, xã hội, tấn-hóa theo khuôn rập tâm-chí, phong-tục, năng-lực và địa-vị cổ hữu của mình.

Dân tộc Việt Nam nhờ cụ Alexandre de Rhodes giúp cho có một văn tự riêng rất giản-tiện, kêu là « chữ quốc-ngữ ». Mặc dầu theo thể-thức hiện thời, văn tự của ta cũng đã được tiện dụng lắm, tiện

dụng hơn văn-tự của nhiều dân-tộc khác ở Á Châu, nhưng mà chúng ta phải nhìn nhận rằng nó cũng còn có nhiều chỗ chưa được tận tiện tận mỹ.

Mấy năm nay rải rác có ít vị trí thức hăng-hái muốn giúp cuộc tấn hóa văn-học, nên trình bày nhiều phương pháp để chế sửa chữ quốc-ngữ mà làm cho Việt-Nam văn-tự được hoàn-toàn tốt đẹp, viết được dễ dàng mau lẹ, lại từ nam chi bắc đồng viết y theo một cách như nhau. Đã biết nên muốn quảng khai văn-học, thì đều cần nhất là phải định chắc thể-thức văn-tự. Mà chương-trình hành động để đạt đến mục-dích ấy chẳng phải chỉ có chế sửa và định chắc thể-thức cho chữ quốc-ngữ mà thôi, nó còn gồm nhiều vấn-đề khác cũng quan hệ, cũng cần thiết lắm. Một số trí-thức thường đề ý đến mấy vấn đề ấy, nhất là đề ý đến hai vấn đề này:

1.— Định văn-pháp, đăng viết văn cho có qui-tắc, cho có thể-lệ nhất định;

2.— Làm cho văn-tự của ta trở nên phong phú có đủ lời mà tả tình tả tứ cho tường tất, có đủ chữ mà làm sách về các khoa triết-lý, văn-chương, địa dư, khoa học, hóa-học y học, kinh-tế-học v.v...

Giữa lúc hải ngoại ba đào dỗi-dập, thế gian khời-lửa tung-bừng này, các dân tộc chung sống ở trong Liên bang Đông-Pháp thấy đều lo ung đúc trí tài, để khi lửa tắt sóng êm có đủ lực-lượng, có ản tinh thần, mà sanh hoạt đắc thế cùng với các

nhóm người ở chung quanh mình. Nghĩ vì quốc-văn là điều cần thiết của tấn hóa, bởi vậy cách mấy tháng trước người Miên khởi trước, kế người Lào tiếp theo, hai dân-tộc này đã tổ-chức cho có văn-tự giản-tiện, tổ-chức theo khuôn-rập của cụ Alexandre de Rhodes ngày xưa dùng sáng tạo chữ quốc-ngữ cho người Việt-Nam.

Ấy vậy lúc này tôi nói tới vấn-đề chấn-chỉnh văn tự và quảng khai văn học, làm như vậy tưởng có lẽ hợp thời và chắc sẽ được các nhà trí-thức Việt-Nam chú ý.

Vừa nghĩ đến vấn-đề này, thì tôi cũng như các bạn, tôi liền thấy sờ sờ nhiều chỗ khó khăn. Máy chỗ khó-khăn ấy có thể tóm tắt sơ lược như vậy:

a) — Chữ quốc ngữ có dấu (accents) bởi vậy viết không được gọn-gàng mau lẹ ;

b) — Quốc ngữ có nhiều chữ ở sau chót phải có G hoặc không G, phải có H, hoặc không H. phải viết chữ C hoặc chữ T, lại có văn đọc giống nhau như in và iem in và ieu, ít và ish, ưi và uoi, ui và uoi, làm cho từ nam chỉ bắc khó viết cho đồng một thể ;

c) — Ngôn ngữ của ta có nhiều tiếng ở trong Nam-Kỳ khác với ở ngoài Bắc Kỳ hoặc Trung-Kỳ ,

d) — Văn-tự của ta còn nghèo lắm, không có đủ chữ như văn-tự của nước văn-minh, nên hiện hơi khó phổ-thông cao-đẳng-học bằng quốc-văn

tho được.

e) — Viết văn ai muốn viết thế nào tùy ý, không có qui-tắc để làm mực thước mà phân đoán dở hay hoặc trật trùg.

Trừ khừ cho được mấy đều khó khăn ấy thì là giải quyết gần tất cả vấn đề ; chỉ còn làm ra các thứ sách cao-dãg-học bằng quốc-văn nữa, thì đạt được mục-đích quãg-khai học thức.

Mà muốn khừ trừ mấy khó khăn mới nói đó, chúng ta phải dùng phương pháp nào ?

Thiệt thuở nay tôi được nghe lời nghị luận, chớ tôi chưa được thấy chương-trình thiệt hành. Tôi ước mong những người có học-thức, mà cũng có nhiệt tâm với cuộc xây dựng đại văn-học Việt-Nam, hiệp nhau sắp đặt một chương-trình để do theo đó mà hành-động cho có qui củ.

Làm việc này chúng ta nên coi người để xét mình, coi cho biết người làm sao mà được hay, rồi xét lại để liệu định hành-trình cho mình bước tới.

Pháp quốc đã có một nền văn-học rực rỡ nguy nga cực điểm. Mà văn học của nước Pháp lại gồm văn-tự tỏ rõ và phong phú. Chúng ta thử xét coi người Pháp tỏ điểm thế nào mà văn-học được hoàn toàn tốt đẹp như vậy.



II. CÁCH BIẾN HÓA CỦA PHÁP-VĂN

Sáu mươi năm trước Thiên-Chúa giáng-sanh, những dân tộc sống trong vùng đất thuộc nước Pháp bây giờ, không đồng ngôn ngữ mỗi nhóm nói một thứ tiếng riêng.

Người Celte ở từ sông Garonne lên đến sông Seine và người Belge ở từ sông Seine lên đến sông Escaut, thì nói thứ tiếng kêu là *celtique*.

Người Aquitain ở từ mé sông Garonne trở xuống giải núi Pyrénées, thì nói một thứ tiếng riêng kêu là *ibère*.

Dọc theo mé biển Méditerranée (Địa-trung-hải) nhưt là ở mấy thị-trấn Aix, Arles, Nîmes và Narbonne người ta nói tiếng *latin*, bởi vì người Romain (thuộc nước Italie bây giờ) qua ở khai thác miền ấy.

Trong mấy thành-phố khác cũng ở dựa mé biển Méditerranée, như Marseille, Antibes, Nice, Agde, Port Vendres, người ta lại nói tiếng *grec*, bởi vì người Grec (dân nước Grèce bây giờ) qua khai thác mấy chỗ đó.

Đến năm thứ 58 trước Thiên-Chúa giáng-sanh, Jules César, Hoàng-đế của dân Romain, tâu phục và chiếm trị cả vùng đất Gaule thuộc nước Pháp bây giờ thì tiếng *latin* tràn-lan mau lẹ khắp cả xứ. Tiếng *celtique* lần lần phải nhượng bộ. Người Romain không cần phải dùng quyền thế mà ép buộc

người ta nói tiếng *latin*. Người Gaulois thấy người Romain, văn-minh hơn mình muốn làm theo, tự nhiên họ sốt sắng tập nói tiếng *latin*. Đã vậy mà người Gaulois cần phải giao thiệp cùng người cai trị mình, giao thiệp cùng người mua bán với mình, nhất là muốn được làm quan như người Romain, các cơ ấy đủ làm cho tiếng *atin* được phổ thông mau lẹ để thế cho tiếng *celtique*.

Ma học nói tiếng *latin*, người Gaulois phần nhiều học với quân lính hoặc với con buôn học nói thứ tiếng thông dụng bình dân, bởi vậy họ nói trại-trại, chớ không được trụng lẫm. Qua thế-kỷ thứ 3, trong nhà thờ mấy linh-mục định dùng tiếng *latin* mà giảng đạo. Nhà nước lại lập trường dạy chữ *atin* ở Marseille, Autun, Bordeaux Lyon, Besançon, Reims, v. v... Với những tổ-chức ấy, chữ *latin* càng được phổ-thông thêm nữa. Đến thế-kỷ thứ 4 thì xứ Gaule đã sản xuất được 4 vị trạng-sư và 3 vị thi-sĩ cho xứ Rome. Lại trong xứ có nhiều văn sĩ để lại một ít tác-phẩm viết bằng chữ *atin*.

Đến thế kỷ thứ 5 người German (thuộc nước Allemagne bây giờ) tràn qua chiếm miền bắc xứ Gaule Họ theo đạo Thiên chúa, rồi họ bỏ tiếng của họ mà học nói tiếng *atin*. Tiếng *atin* bình dân, trước kia bị người Gaulois học nói trại-trại, nên nó đã sai nhiều rồi, bây giờ gặp người Ger-

main học nói trại thêm một mớ nữa, bởi vậy tiếng *latin* nói ở xứ *Gaule* từ ấy về sau không phải thiết chánh *latin*, mà là một thứ tiếng mới kêu là *roman*.

Tiếng *roman* gốc ở tiếng *latin* bình dân bị nói trại lần lần mà lai ra, đến thế kỷ thứ 12 thì thành lập hoàn-toàn trong nước Pháp, rồi qua thế kỷ thứ 14 còn được thêm vào những chữ *latin* rút trong sử sách để làm cho văn-tự được phong phú hơn nữa. Từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 11 đã có sẵn xuất một bộ tự vị chữ *latin* dịch ra chữ *roman* một bộ tự vị chữ *roman* dịch ra chữ *germain*, với nhiều áng vầu-chương viết bằng chữ *roman*.

Mà tuy tiếng *roman* được thông dụng trong nước lúc ấy, song không phải cả nước đều nói một thứ tiếng giống nhau. Mỗi chỗ có một thổ-âm riêng (*dialecte*). Lúc ấy thổ âm rất nhiều, người ta chia ra làm 2 nhóm như vầy :

Từ sông *Loire* chạy lên hướng bắc, các thổ âm : *normand*, *picard*, *bourguignon*, *poitevin*, *français* thì kêu là *langue d'oïl*.

Từ sông *Loire* chạy xuống hướng nam, các thổ âm : *languedocien*, *provença*, *dauphinois*, *lyonnais*, *auvergnat*, *limousin*, *gascon* thì kêu là *langue d'oc*.

Đến thế-kỷ thứ 13, vua chúa ở xứ *Ile-de-France*, là chỗ dân nói thổ-âm *français*, chinh phục các miền khác, rồi đem thổ-âm *français* mà truyền bố

cho dân gian.

Qua thế kỷ thứ 15 vua Louis XII nhứt thông sơn-hà, lập thành nước Pháp, chừng ấy thổ âm *français* được dùng làm quốc-âm để thông dụng khắp trong nước.

Pháp-văn thành lập kể từ đây.

Lúc ban đầu Pháp-văn gặp nhiều nỗi khó khăn. Văn-tự còn khô khan lại nghèo hẹp, không có đủ chữ mà dùng không có lý-tưởng mà tả, nhứt là không có cảm tưởng về mỹ thuật, bởi vậy câu văn không phù ba vui vẻ êm dịu. Đã vậy mà Pháp-văn còn phải cạnh tranh đặng hạ oai thế của văn latin, là thứ văn đương dùng giảng-dạo trong nhà thờ, và đương dùng dạy khoa-học với triết lý học trong cao đẳng học hiệu.

Thế-kỷ thứ 16. — Qua thế kỷ này, Pháp văn vẫn còn coi như văn của hạng bình-dân và văn latin coi như văn thượng-lưu trí thức. Mấy người ưu thế miễn thời lấy làm bất bình về sự đó. Họ nghĩ phải dùng quốc-văn mà dạy học thì mới có thể phổ-thông học thức cho quần chúng được. Họ quyết cải cách quyết dùng quốc-văn mà thay thế hoàn toàn cho văn latin. Geoffray Tory bắt đầu đề xướng cuộc cải cách này. Sự vận-dộng ấy lần lần có hiệu quả. Pháp-văn được đem vào học đương mà thay cho văn latin để dạy các khoa toán học, y-học và sử-học. Nhà vua cũng sẵn lòng tán trợ nên định trong

các loan án phải dùng Pháp văn mà lên án.

Kể đó Văn-dân, gọi là Pléiade (người Tàu dịch là *Thất-hiên sĩ* của thi sĩ Rousard sáng lập và chỉ huy, tiếp vận-động rất hăng hái. vận-động về 2 chủ-buông : 1° dùng quốc-văn thế cho văn latin 2° làm cho Pháp-văn trở nên phong phú. Có nhiều thi-sĩ hưởng ứng, họ liền làm thi bằng Pháp-văn.

May cho Pháp-văn gặp được 2 điều rất tiện lợi : 1° Trong nước Pháp mới chế tạo được máy để in sách vở. 2° chánh thời-kỳ này là thời-kỳ Văn học Phục-hưng (Renaissance). các văn-sĩ đều hăng hái về cuộc to đấm quốc-văn. Người chăm lo in các cổ-văn latin và grec để truyền-bá trong dân-gian. Người lo dịch những sách cổ-văn ấy ra Pháp-văn để giúp cho văn-chương được hàm súc lý-lường cao-siêu vĩ-dại và chan chứa cảm tưởng nồng-nàn về mỹ-thuật. Có người lại chăm lo làm cho văn-tự Pháp được phong phú, định đem vào quốc-văn những cổ-ngữ thông dụng, những tiếng thổ-ngữ thông dụng, những tiếng thổ-án có ý nghĩa, chọn mà mượn những tiếng ngoại quốc, như là của nước Espagne và nước Italie, mượn nhiều chữ trong văn latin và văn grec và đặt thêm nhiều chữ mới để có đủ ngôn-ngữ mà dùng. Với những nhiệt-âm, những cố-gắng dường ấy, văn học của nước Pháp tự nhiên được quảng khai, văn tự của nước Pháp tự nhiên được phong phú.

Còn một điều này nữa : từ trước cách viết văn rất rộng-rải, thông-thả, ai muốn hành văn thế nào tùy ý, không có thể-thức chi hết. Đến lúc này người ta mới bắt đầu muốn định qui-tắc. Các văn-sĩ Jacques Dubois (1532), Meigret (1550), Robert Estienne (1557) Ramus (1562) làm ra mấy quyển văn-pháp (grammaire) đầu tiên để chỉ thể-thức viết văn cho có qui-tắc. Thiệt văn-pháp mới bày ra đó không được lảng văn hoan nghinh liền. Nhưng lý-tưởng văn pháp đã gieo trong trí não mọi người, nên qua thế-kỷ sau mới nảy nở tốt tươi mạnh-mẽ.

Tuy thế-kỷ 16 giúp cho Pháp văn tấn hóa rất nhiều, nhưng văn-học vẫn còn hỗn độn lắm. Văn-đan Pléiade chưa tìm được phương pháp để hiệp hòa văn-chương và lý-tưởng cổ với trí ý tân tình của người trong nước lúc bấy giờ. Cuộc Văn-học Phục-hưng cũng chưa làm cho mỹ thuật có được một hình-thức nhất định.

Thế-kỷ thứ 17.— Qua thế-kỷ 17 mới dẹp yên sự hỗn độn ấy được, nhờ một đám văn-sĩ rất đông: Malherbe, Maynard, Racan, Théophile de Viau, Mathurin Régnier, Balzac, Descartes, Pascal. La Rochefoucauld, Corneille, Cardinal de Retz, Mme de La Fayette, Mme de Sévigné, Boileau La Fontaine, Molière, Racine, Bossuet, Bourdaloue, Fénelon, Regnard, Lesage, Saint-Simon, Voltaire, Vaugelas, Conrart, Desmarets, Fontenelle, Perrault v. v.

Những văn-sĩ này được lui tới chốn triều đình, được hội hiệp với thượng lưu nhơn-vật, họ dòm thấy văn nói của người ta thanh nhã, họ mới định bỏ những chữ thô-tục trong câu văn. Tuy về cảm-tưởng thì họ theo thể thức cổ-thời, nhưng họ giữ chắc quốc-tùy đặc biệt của người Pháp, nghĩa là viết văn họ dùng chữ tao nhã và minh bạch, đặt câu văn họ giữ trí ý cao thượng, linh động, tự nhiên; nghị-luận họ giữ chơn-lý vững chắc. Nhờ vậy nên trong văn-tự Pháp không còn những chữ thô tục bay vô lý, và trong văn học Pháp mới nảy nở lý-lưởng mỹ-thuật cao-siêu, những điều kiện ấy tự nhiên thành một qui-tắc buộc văn-sĩ tả tình tứ phải vịn gốc chơn chánh, chứ không được tùy ý, hoặc tùy cảm hứng nữa.

Malherbe đề-xướng trước hết công cuộc khử trừ cho quốc-văn, được nhiều văn-sĩ đồng thời hưởng ứng nhiệt liệt, định bỏ những chữ thô-tục và những chữ vô ý nghĩa.

Sự tò diễm quốc-văn lại được nhà vua sẵn lòng giúp đỡ. Tể Tướng Richelieu lập ra Pháp-quốc Hàn-lâm viện (Académie française). Điều thứ 24 trong chương-trình điều-lệ buộc Hàn-lâm-viện phải lo lập cho kỹ lưỡng và mau lẹ những qui-tắc chắc chắn cho quốc-văn, và lo làm cho quốc-văn được thanh tao, bưng trảng và có thể bàn luận về mỹ-thuật với khoa-học được. Điều thứ 26 lại buộc Hàn-

lâm-viên phải làm cho thành một bộ từ-diễn (dictionnaire), một quyển văn-pháp (grammaire), một quyển tu-từ-thơ (rhétorique) và một quyển thi-pháp (poétique). Đã vậy mà Tê-Tương còn định phải dùng quốc-văn mà dạy trong các nhà trường, đến trường quốc-học (Collège Royal) cũng vậy.

Văn latin đến đây mới hoàn toàn tiêu-tuyệt, đầu triết lý-học cũng hết dùng văn ấy. Pháp-văn thoát khỏi xiềng-xích latin rồi thì hình thức mới được khoáng-khoát, quân bình, thanh tao, yếu điệu.

Nói tóm một lời, hồi thế kỷ 16 Ronsard với văn-dân Pléiade vì muốn làm cho văn-tự Pháp được phong phú, nên vận động cho người ta quơ mướn đủ thứ chữ đủ thứ tiếng, làm cho Pháp-văn thành một đám rừng rậm lổ-xổ những tạp mộc. Qua thế kỷ 17, Malherbe phải ruồng phá đám rừng ấy, đốn bỏ những tạp mộc, cho rừng trở nên khoáng-khoát, sạch-sẽ.

Thế-kỷ thứ 18.— Cuối thế-kỷ trước, hai nhóm văn-sĩ, một nhóm, có Charles Perrault cầm đầu, tuyên bố cái hay cái cao của người nay hơn người xưa, còn một nhóm có Boileau cầm đầu phản kháng cái thuyết ấy, hai bên gây ra một trận bút-chiến kéo dài đến đầu thế kỷ này mới chấm dứt, chấm dứt mà sự tôn kính cổ-phong cổ điển phải suy giảm rất nhiều. Từ đây văn-nhơn chú trọng lý-tưởng hơn mỹ-thuật. vì mỹ thuật buộc phải dùng

cổ phong cổ điển làm khuôn nẫu, mà thời-kỷ này trí-ý văn-sĩ đã hết xu hướng cổ-văn, lương-lâm xã-hội đã bớt say đắm tôn-giáo, và thái độ thần-dân đã thôi bỏ dở triều-dinh.

Lại trong làng văn nảy ra thêm những nhà trí-thức mới như: Bayle, Vauvenargues, Voltaire, Montesquieu, J. J. Rousseau, Diderot, André Coenier, Marivaux, Abbé Prévost, Buffon, Bernardin de Saint-Pierre, Beaumarchais, Mirabeau, v. v. Một số trong đám văn-sĩ này hiệp nhau làm ra bộ Văn-học tự-diễn (Encyclopédie). Gồm những người khác hoặc làm sách vở, hoặc làm thi phú, hoặc viết tuồng hát, tuy mỗi người có một cách riêng, song kỷ-trung thấy đều chung trí mà gieo rắc trên nền văn-học những giống triết-lý tối-tân là triết-lý xã-hội, làm cho mũi văn triết-lý xã-hội phướng phát nông-nân.

Nói tóm một lời, tuy thế-kỷ 18 có thêm cho văn-tự Pháp nhiều chữ mới về loại khoa học và cũng tiếp làm cho Pháp-văn thêm lý-thú thanh-tạo, thêm qui-tắc vững chắc, nhưng thế-kỷ này có thể kêu là thế-kỷ triết-lý xã-hội triết-lý ấy ảnh hưởng vào quốc-văn, làm bại hoại cổ-phong và gây tự-do lý-tưởng cho văn học.

Thế-kỷ thứ 19. — Thế-kỷ này là thời đại cách mạng văn-học. Sách vở chẳng phải như mấy đời trước chỉ có hạng thượng lưu xã-hội đọc. Bây giờ

người đọc sách gồm đủ các giai cấp và số người đọc lại càng ngày càng thêm đông Văn-học theo một nhịp với tâm hồn của xã-hội bởi vậy rời hẳn cổ-phong và tự-do phát-triển Say mê với những vấn-đề chánh-trị và xã-hội, trong làng văn tự nhiên người ta không chú trọng văn-pháp hay qui-tắc thanh-tao nữa. Được tự-do hoàn-toàn, người ta không còn kể lý-tưởng « *Le moi est haïssable* » (hắn ngả đáng ghét) của Pascal và bỏ đẹp lời khuyên « *Aimez donc la raison* » (vậy hãy yêu chánh-lý) của Boileau. Trái lại người ta cố gắng hưởng trọn quyền tự-do về văn-ngệ, mỗi người viết văn cứ theo tri-ý, theo tư-tưởng, theo nguồn cảm riêng của mình, nghĩ rằng phải làm như vậy bài văn mới có ấn-tượng sở hữu riêng của người viết.

Đã vậy mà với quốc-thể cộng-hòa, người ta không cần trau chuốt thanh-tao, cứ lựa chữ mà dùng miễn được chỉ rõ ràng cảnh-vật, hay được cảm động lòng độc-giả thì thôi. Vì vậy nên những tạp mội mà trước kia Malherbe ruồng phá trong rừng văn của Văn-đàn Pléiade sáng lạn, bây giờ nó đâm chồi ra nhánh sum-sê trở lại với những chữ mới mượn hoặc trong cổ-văn, hoặc trong khoa học, hoặc trong thổ-âm, hoặc trong văn-tự ngoại-quốc. Văn-sĩ đã rời xa cổ phong cổ-diễn, mà lại chịu ảnh hưởng văn-học của mấy xứ miền bắc là Angleterre, Allemagne, Russie, Scandinavie, hoặc bị cảm nhiễm

theo thể cách và tâm-hồn của đám bác-sĩ lừng lầy oai danh, vì hằng ngày họ sáng tạo thêm những phi thường quái lạ.

Về phương diện văn-học, thế kỷ 19 có thể chia ra làm 4 thời-kỳ như vậy :

1.— Từ 1801 tới 1850, thời-kỳ lãng-mạn (romantisme).

2.— Từ 1850 tới 1870, thời-kỳ thiết-nghiệm (réalisme).

3.— Từ 1870 về sau, thế thiết-nghiệm sụt xuống một bậc và đổi ra làm thế thiên-tánh (naturalisme).

4.— Từ 1880, một lượt với thế thiên-tánh, thi-văn, nảy ra một thế mới kêu là trưng-tượng hay thí-du (symbolisme).

Văn-sĩ về thế lãng-mạn bỏ cả văn-pháp cổ điển grec và latin mà theo văn-học miền bắc, bỏ thần-thoại mà theo tôn giáo và theo bản-tánh tự nhiên, nên lý-tưởng bản-ngã phát-triển. Nhà văn-tự do trình bày cảm-tưởng và nghệ-thuật của mình. Đối với họ cái gì cũng tự-kỹ, cũng độc-lập. Họ theo cả 2 thuyết chủ-quan (subjectif) và khách-quan (objectif). Với họ thì không còn văn-loại nhất-định, không còn thi-pháp (poétique) không còn tu-từ-pháp (rhétorique).

Những văn-hào về thế lãng-mạn chúng ta phải kể Victor Hugo, Lamartine, Alfred de Vigny, Alfred de Musset, Béranger, Auguste Barbier, Théophile

Gautier, Théodore de Banville, Alexandre Dumas (cha), Sainte Beuve, Georges Sand.

Sau năm 1851, một nhóm thi-sĩ không phục tư-tưởng quá độ của thể lãng-mạn, họ hiệp nhau xuất bản một tập thi nhan đề « *Parnasse* ». Họ bắt đầu theo thuyết « nghệ-thuật vì nghệ-thuật » của Théophile Gautier rồi chú trọng cái đẹp chứ không kể luân lý. Họ đem thuyết khách-quan và vô ngã mà phản đối với thuyết chủ-quan, tự kỷ, bản ngã của lãng-mạn. Họ sáng tạo thể thiết-nghiêm, rồi lần lần đổi ra thể thiên-tánh.

Những văn hào gây ra thể văn này là : Leconte de Lisle, Sully-Prudhomme, Emile Augier, Alexandre Dumas (con), Gustave Flaubert, Emile Zola, Stendhal, Honoré de Balzac, Mérimée, François Coppée, Jean Richepin v. v.

Thể trượng-trọng hay thí dụ là thể-văn của một nhóm thi-sĩ thanh xuân họ chán cái « cũ » nên hiệp nhau lập ra một thể mới cho bóng bẩy, cho cảm động. Trong phái này có những văn-hào : Ch. Baudelaire, Paul Verlaine, A. Rimbaud, Albert Samain, J. Moréas, H. de Régnier, Ch. Le Goffic, Mme de Noailles, Francis Jammes, Gabriel Vicaire, Maurice Maeterlinck, Paul Derouède, Paul Valéry v. v.

Thế-kỹ hiện thời. — Mặc dầu trong thế-kỷ 19 làng văn-học Pháp biến hóa nhiều lần và chia rẽ nhiều phái, nhưng tâm hồn cổ hủ, là lạnh-chất

vừa minh bạch, vừa chơn-chánh, vừa hồn vút
luôn luôn.

Thế-kỷ 20 qua chưa được phân nửa mà chúng
ta đã nhận thấy văn-học Pháp nảy mầm quốc-gia
phục sinh rất mạnh-mẽ, mầm ấy phát lên từ giặc
trước rồi đến giặc này thì quân đâm-cứng cỏi, là
đom sù-sê. Văn-học mà có tinh-thần như vậy, thì
sự hưng vượn đã chắc, nhất là có sẵn một vườn
lạc-phẩm som-ê của :

Thi-sĩ như Paul Claudel.

*Nhà soạn kịch như Courteline, Robert de Flers,
Tristan Bernard, Sacha Guitry, Alfred Capus, Jules
Romains, Marcel Achard, Georges de Porto Riche,
François de Curel, Paul Hervieu, Henri Lavedan,
Emile Fabre, Henry Bataille, Henry Bernstein,
Paul Géraudy, Jean Sarment v. v.*

*Tiểu-thuyết gia như Paul Bourget, Maurice Bar-
rès, René Bazin, Henry Bordeaux, Edouard Rod,
Anatole France, Romain Rolland, Pierre Loti, Pierre
Mille, Jérôme và Jean Tharaud, Claude Farrère,
André Theuriel, René Benjamin, Henri Barbusse,
Georges Duhamel, Roland Dorgelès, Paul và Victor
Margueritte, Paul Adam, Pierre Louys, Rosay Aîné,
Marcel Prévost, Marcel Proust, Jean Giraudoux,
Colette Marcelle Tinayre v. v.*

III.— THƯ SO-SÁNH CÁCH BIẾN HÓA CỦA HAI QUỐC-VĂN PHÁP VÀ VIỆT

Không thạo nghề khảo-cổ, tôi không dám chỉ rõ ràng chỗ thi tổ ta ở thời đời thượng-cổ, mà tôi cũng không dám đoán chắc chắn thi-tổ ta lúc ấy dùng thứ tiếng gì mà giao thông với nhau.

Nhưng xem qua sử sách lời có thể biết mặc mớ tổ-tiên ta hồi xưa ở một phần xứ Bắc-kỳ và miền bắc xứ Trung-kỳ bây giờ, phía bắc lân cận với người Tàu, phía tây lân cận với người Thái, Mường, Mán, Mèo, phía nam lân cận với người Chăm kên là Hời Hẻ ở gần chương-tộc nào thì có lẽ phải giao thông hoặc chung lộn với giống người ấy, mà giao thông hay chung lộn với nhau, tự nhiên phải mượn nhau ít nhiều ngôn ngữ mới nói chuyện với nhau được.

Cái lẽ ấy làm cho tôi tưởng nhóm người ở trên hướng bắc ngôn-ngữ pha lộn với ít nhiều tiếng Tàu, ở bên phía tây pha lộn ít nhiều tiếng Thái, Mường, Mán hoặc Mèo, ở dưới hướng nam pha lộn ít nhiều tiếng Hời. Ấy vậy trước thời đại Bắc thuộc, tổ-tiên ta có lẽ nói nhiều thứ thổ âm, cũng như người Gaulois, thi-tổ của người Pháp.

Đến khi nhà Hán chinh phục đất nước của ta và thống trị cả dân-tộc ta (năm thứ 111 trước Thiên-chúa giáng sanh), người Tàu tràn qua đông mà ở

chung với ông bà ta và dùng nhiều thổ-âm của họ mà nói chuyện với ta, y như người romain đối với xứ Gaule bên kia. Cả thấy dân tộc ta phải tập nói nhiều ít tiếng của người cai trị. Đã vậy mà những quan cai trị có như đạo là Tích-Quang, Nam-Dien và Sĩ-Nhiếp kế tiếp nhau đem Hán văn dạy ta học, cũng như người romain đem văn latin dạy người Gaulois. Mà cũng đồng một thể với người Gaulois tổ-tiên ta như Lý-Tấn, Lý-Cầm, Trương-Trọng v. v... học chữ Hán cũng thi đậu làm quan. Lại cũng như người Gaulois tập nói tiếng latin song nói trại thành ra tiếng roman, tổ-tiên ta học chữ Hán mà đọc khác hơn người Tàu. Trước kia tiếng Việt cũng khô khan, nghèo hẹp, như tiếng roman bên Pháp, nên cũng mượn chữ Hán đọc trại mà thêm vào cho ngôn-ngữ có đủ tiếng mà dùng.

Từ trước tới đây, tôi nhận thấy sự biến-hóa của Việt-ngữ bên này giống y như sự biến hóa của Pháp-ngữ bên kia. Mà từ đây về sau, mỗi bên tách ra mà đi một đường riêng, không còn giống nhau nữa.

Bên Pháp thì đến thế kỷ thứ 13, dòng vua Capétiens nhất thống cả nước Pháp rồi dùng thổ-âm français làm quốc-âm và dùng văn français làm quốc-văn. Hàng học-thức các đời sau nối nhau tập tành tô điểm thêm hoai, xây dựng được cái đại

Văn-học Pháp càng ngày càng nguy nga, phong-phú, minh bạch, diễm kiều.

Bên ta không phải vậy. Đến thế-kỷ thứ 10, nhà Ngô xây được nền tự-trị, rồi nhà Đinh và nhà Tiền-Lê tiếp theo trót 71 năm triều-dinh cũng như ai thức, không ai để ý đến việc sắp đặt ngôn-ngữ và văn-học, bởi vậy trong dân-giao cứ chăm học Hán văn.

Qua thế-kỷ thứ 11, vua Thánh-Tôn nhà Lý mới bắt đầu lo tổ-chức văn-học, rồi vua Nhân-Tôn nối theo, nhưng khai hóa về học-thức thì tiếp dùng Hán văn cũng như hồi đời Bắc-thuộc. Mãi đến nhà Trần, nhà Lê và nhà Nguyễn cũng tiếp dùng luôn Hán-văn mà làm quốc-văn, thành thử chúng ta người Việt Nam, chúng ta nói tiếng Việt-Nam, không giống với thứ tiếng của người Tàu, mà quốc văn của ta lại là văn-tự của người Tàu.

Viết tới đây tôi rất ngậm-ngùi thâm tiếc.

Tôi tiếc vua Lý Thái Tông có cái sang-kiến tốt đẹp là xây đắp nền văn học cho thân dân, mà ngài không lập Việt văn ngay ra, ngài lại dùng Hán văn mà khai hóa người Việt. Nếu ngài lập Việt văn từ khi ấy, mở đường cho mấy đời sau noi theo, thì ngay nay nền quốc văn ta có lẽ cũng đồ sộ nguy nga nhiều ít, chứ không phải quanh hiu lợt lạt như vậy. Đã biết kỏi ấy Việt ngữ không được phong phú cho lắm, nhưng học chữ Hán đã trót

ngàn năm, ông bà ta đã đem nhiều chữ Hán đổi làm Việt-ngữ, thế thì ngôn ngữ của ta cũng đủ dùng. Vì dầu có thiếu thốn đi nữa thì ta quơ mượn thêm chữ Hán, hay tiếng Tàu, hay tiếng của dân tộc khác, làm như cách làm của Văn đàn Pléiade bên Pháp vậy, rồi sau sẽ lần lần cải lương lại.

Lúc ấy ta đã có văn-tự riêng kêu là « chữ nôm ». Văn-tự ấy có lẽ lấy ra từ đời Sĩ-Nhiếp làm Thái-thủ, nghĩa là từ thế-kỷ thứ 2 thứ 3. Trong khoản tám chín trăm năm, từ Sĩ-Nhiếp đến nhà Lý, có lẽ chữ nôm ta đã được thông dụng ít nhiều, nếu lấy đó mà cãi tạo thì dầu không tận thiên tận mỹ, song cũng có thể dùng đỡ được.

Tôi lại tiếc đời thế kỷ 13, triều vua Nhơn-Tôn, nhà Trần, cụ Hạp-Thuyên, làm Thượng-Thư bộ Hình, mà cũng là một nhà văn-học tài cao, cụ muốn sáng tạo nên quốc-văn, nên đặt ra phép làm thi chữ nôm, theo luật thi nhà Đường bên Tàu, rồi cụ tự làm một bài văn tế cá sấu bằng chữ nôm để khuyến khích nhà văn-học đồng thời noi theo gương ấy. Thiệt người ta có bất chước, cụ mà làm thi phú bằng chữ nôm. Năm 1306 (thế-kỷ 14), khi vua Trần Anh-Tôn già Công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm-Thành là Chế Mân, người ta có dùng văn nôm làm thi để diều cợt hôn-nhơn ấy. Lại sau người ta có tìm được trên núi Hộ Thành một bài văn bia làm năm 1343 cũng bằng chữ nôm. Đường

đả ruộng mở sẵn ra như vậy, mà từ triều-đình đến sĩ phu không háng hái sẵn được vào để tạo thành nền quốc-văn đặc biệt cho người Việt, nghĩ thiệt đáng tiếc.

Tôi cũng tiếc, đầu thế-kỷ 15, Hồ Quý Ly nắm chánh quyền, bắt đầu dùng chữ nôm mà thảo sách dạy chiếu và dịch kinh-sử ra Việt ngữ để làm sách dạy học, nhưng nhà Hồ bình chánh có mấy năm kể mất ngôi, rồi người sau không thêm hưởng ứng cái tư-tưởng tốt đẹp lợi ích ấy là tư-tưởng sáng tạo nền quốc-văn cho người Việt.

Tôi càng tiếc hồi thế kỷ 17, nhằm triều vua Thần-Tôn, nhà Hậu-Lê, cụ Alexandre de Rhodes, tục gọi là *Cố đạo Tráng*, đặt ra thứ chữ quốc-ngữ rất tiện dụng để thế cho chữ nôm ta, năm 1651 cho-ra đời cuốn « Giáo-lý quốc-âm » (Catéchisme), là cuốn sách quốc-ngữ đầu tiên mà hai chúa Trịnh và Nguyễn ở trên, cùng 1ọc-giả bắc nam ở dưới, không ai để ý lợi dụng trí sáng tạo ấy mà lập thành quốc văn.

Tôi còn tiếc vua Quang-Trung, nhà Tây-Son, hồi thế-kỷ 18, có ý tính dùng chữ nôm mà dịch sách Tàu để dạy học và định các khoa thi đều phải dùng chữ nôm mà ra bài và làm bài, nhưng vua Quang-Trung mất sớm, rồi cái sáng kiến của ngài cũng theo ngài mà mất.

Thôi, việc đã qua rồi, than tiếc cho lắm cũng

không kéo trở lại được. Than tiếc không bỏ ich, chỉ bằng chúng ta để thì giờ mà tìm kiếm trong sử sách coi bực học thức tiền bối của chúng ta, từ xưa đến đầu thế-kỷ 20 này, có để lại cho chúng ta sự-nghiệp văn-chương quốc âm kể được bao nhiêu tác-phẩm và sự nghiệp ấy đủ làm nền tảng cho chúng ta tiếp xây dựng đại văn-học Việt-Nam đặc biệt trên đó hay không.



IV. — SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG QUỐC-ÂM VỀ CÁC ĐỜI TRƯỚC

Ngoại trừ bài văn tế cá sấu những bài thi điều cốt hên nhưn của Công chúa Huyền-Trần và bài bia tìm được trên núi Hộ-Thành, đã có nói trong đoạn trước, chúng ta có thể kể :

ĐỜI TRẦN

<i>Hàn-Thuyên</i>	: Pui sa tập
<i>Nguyễn Sĩ-Cổ</i>	: Quốc-âm thi phú
<i>Châu-An</i>	: Quốc-ngữ thi tập.

ĐỜI LÊ

<i>Lê Thánh Tông</i>	: Thi-Tập
<i>Không biết tên</i>	: Hồng-đức quốc âm thi tập
<i>Nguyễn Bình-Khiêm</i>	: Bạch Vân quốc-ngữ thi tập
<i>Phạm-Thái</i>	: Thi tập

Ôn Như-Hầu (Nguyễn-lệ-Thiều)	{ Thi tập Cung oán ngâm khúc
Nguyễn-Hữu-Chỉnh	{ Thơ trảng pháo Ngôn ăn thi tập Quách-tử-Nghi phú
Lê quí-Đôn	{ Tất kinh tất giới (kinh nghĩa) Lấy chồng (văn sách).
Nguyễn-Bà-Lân	: Trương-lưu-hầu phú
Nguyễn-Đình-Đổ	: Tấn-sĩ-lân
Nguyễn-huy-Lượng	: Tây-hồ-tụng
Nguyễn-Trãi	: Gia-buẩn-ca
Đoàn-thị-Điểm	: Chính-phụ-ngâm

TRIỀU CHỨA NGUYỄN TRONG NAM

Đào-Duy-Từ	: Ngọa-long-cang-văn
Nguyễn-cư-Trình	: Sài-Vải
Huỳnh-Quang	: Hoài-nam-khúc.

ĐỜI TÂY-SƠN

Ngọc-Hân-Công-chưa	{ Văn-tế-vua-Quang-Trung Ai-tư-văn
--------------------	---------------------------------------

ĐỜI NGUYỄN

Bặng-Đức-Siền	: Văn-tế-Võ-Tánh và Ngô-tùng-Châu
Nguyễn-văn-Thành	: Văn-tế-tướng-sĩ-trận-vong
Trần-Huà	: Diêm-mê-khúc
Tay-Lý-vương	: Thi-văn-tập
Hồ-xuân-Hương	: Xuân-Hương-thi-tập

Lý-văn-Phước	Phụ chám tiền lảm Khắc-trại thi văn tập Nhị thập tứ biểu
Nguyễn-công-Trừ	: Thi văn tập
Bà Huyện Thanh Quan	: Thi tập
Nguyễn Khuyến	: Quế-Sơn thi văn tập
Dương Khuê	: Thi văn tập
Cao-bá-Nhạ	: Tự tình khúc
Châu-mạnh-Trình	Thanh-lâm tài-nhơn thi tập Hương-Sơn nhứt-trình ca
Nguyễn-Du	: Kim Vân Kiều truyện
Trần-tế-Xương	: Thi văn tập
Tôn-thọ Tường	: Thi tập
Không biết tên	: Thu gia lữ hoài ngâm
Nguyễn-huy-Tự	} Hoa tiên
Nguyễn-Thiện	
Nguyễn-đình-Chiều	Lục Vân-Tiên Ngư tiều hà mạp Văn tế
Cao-hữu-Dực	: Tuồng Ngủ hổ bình Tây
Bùi-hữu-Nghĩa	Tuồng Kim Thạch kỳ duyên Văn tế
Trương-minh-Kỷ	Tuồng Kim Vân Kiều Tuồng Phong thần Bá ấp-Kiến
Không biết tên	: Tuồng Trần Bô
— id —	: Bích Càn kỳ ngộ
— id —	: Phan Trần truyện

Không biết tên : Nhị độ mai

Trương-vĩnh-Ký

Thơ dạy làm dâu

Thơ mẹ dạy con

Nữ tặc

Thanh suy bí thời phú

Tam tự-kinh quốc ngữ diễn ca

Ngư tiều trường điệu

Phủ bản truyện



Đã không được cái vinh-hạnh làm Việt-Nam quốc-văn, lại còn bị nhiều nhà nho học hồi xưa khinh thị, cho « nôm na cha mách qué », thế mà vườn văn quốc-âm ta lấy sức riêng của mình gieo trồng vun tưới, rồi đơm hoa kết quả vừa nhiều vừa đẹp như vậy, người có lòng yêu mến Việt-văn tự nhiên vui mừng, được phép vui mừng.

Tuy những tác-phẩm kể sơ trước kia phần nhiều là thi phú ca ngâm, từ trí ý cho tới thể-thức đều có cái ấu tượng cảm nhiễm Hán-học, nhưng mà chúng ta phải nhìn nhận trong sự nghiệp văn-chương ấy có rõ-ràng cái đặc điểm Việt-Nam. khác hẳn với văn-pháp của người Tàu. Ấy là mấy điệu ca-trù, lục bát và song-thất lục-bát, là điệu riêng của tiền-nbơn ta bày thêm cho ta đó.

Một bên sự-nghiệp văn-chương xưa này, nhà văn hiện thời, trót gần nửa thế kỷ nay, từ nam chí

bắc, còn sáng tạo thêm một sự-nghiệp văn chương mới trí ý lại cảm nhiệm Pháp-học hoàn-toàn, và hình-thức còn có thêm điệu văn xuôi, thế thì cũ mới hiệp nhau làm cái nền tảng cho đại Văn-học Việt-Nam vững chắc và xứng đáng lắm vậy, vì nền tảng ấy vừa thâm-trầm, vừa minh bạch, vừa chơn chánh, vừa hùng hào, nghĩa là có đủ tánh cách giúp cho quốc văn phục sanh để đưa dân tộc tiến hóa.

Đã có sẵn nền tảng rồi, lại cũng có sẵn lòng sốt-sắng, nếu các nhà học thức cử đồng tâm hiệp lực mà làm việc, thì không lo gì công-phu, không hiệu quả.

Cuộc chấn-hưng văn học đến nay quần chúng mới lưu ý thì đã trễ rồi. Vậy chúng ta phải siêng năng hăng hái mà làm việc; phải làm việc bằng hai dặng trừ cái trễ đó. Mà làm việc phải có chương-trình mới được. Vậy trước hết nên lập chương trình để đo theo đó mà hành động cho có qui củ.



V. CHƯƠNG TRÌNH CHẤN HƯNG VIỆT-VĂN

Đã biết chấn-hưng văn-học là công việc của người có nhiệm-vụ khai-hóa. Nhưng vấn-đề này càng bệ đến cả dân-tộc. Vậy những người có ít nhiều học-thức đều phải lưu-ý, đều được pháp-tá

bày ý kiến, để giúp tạo-thành cơ-quan tấn-hòa chung cho nước nhà.

Năm trước, vì phải thi hành chương-trình Phục-hưng Quốc-gia, nên Chánh-phủ tỉnh giúp chấn-bưng, khai-quảng, chọn-chánh và thanh-cao văn-học Việt-Nam. Được vinh hạnh hỏi ý-kiến về phương-pháp để tăng-thành công việc ấy, ngày 27 Octobre 1941 tôi có dựng tờ tờ sơ lược siêu-kiến của tôi, rồi vài tháng sau, nhưn dịp được bàn nghị chánh thức về vấn đề này, tôi mới bày giải rõ ràng và căn kể.

Hồi đó cũng như bây giờ, ý-kiến của tôi nguyên không thay đổi. Phải lập liền một hội Ủy-viên gồm nhiều người có tài học thức trong ba kỳ đề bàn-nghị mà thảo chương-trình chấn-bưng văn-học Việt-Nam. Hội Ủy viên này chẳng cần phải mang cái danh hùng-hào hoa-lệ « Việt-Nam Hán lâm viện » như ý của một ít người ao ước. Hội chỉ lãnh một tên khiêm-nhượng, nhưng đoan-chánh, điều cần nhất là sốt sắng làm việc, làm việc chung với cả tâm-chí, trí-tài và học-thức.

Hội Ủy-viên có thể chọn trong hội, hay chọn thêm người ngoài, mà cứ ra một ủy-ban nhỏ cũng gồm đủ người trong ba kỳ và gồm đủ người trong các khoa học-thuật. Ủy ban nhỏ này phải có ít lắm là 9 người, ở thường trực tại Hà-nội, hoặc Huế, hoặc Saigon mà làm việc. Phải cấp tiền tổn-phí ăn

ở cho các người trong Ủy-ban đủ sống, dặng bằng ngày chuyên lo trừ khử các điều khó khăn trở ngại mà tôi đã kể sơ trong đoạn thứ I của bài này. nghĩa là : 1 làm cho Việt-văn viết được gọn gàng mau lẹ, 2 định qui tắc chung cho ba ký viết chữ và làm văn đồng một thể-thức, 3 làm cho văn-tự được phong phú, có đủ chữ mà làm sách dễ phổ-thông các khoa học tối tân bằng quốc-văn. Hễ hội định cách viết chữ, định luật làm văn, và đặt ra chữ mới về triết lý, khoa-học y-học, văn-học rồi, thì cả thảy ba ký phải tuân theo, cho quốc-văn được thống nhất.

Biết đâu trong hàng học thức tham dự vào công việc chấn-hưng văn-học này mà chẳng có người như Estienne chuyên lo nung cao trình-độ Việt-ngữ ; như Amyot chuyên lo dịch các thư sách xưa và nay, Âu và Á ra quốc-văn ; như Ronsard chuyên lo làm phong-phú Việt-ngữ giúp phục-sinh Việt-văn ; như Malherbe chuyên lo cải-lương văn học, làm cho quốc-văn được thanh cao và có tách cách chương-tộc ; như Corneille chuyên lo hành động dặng lòng văn-cổ đủ hơn-tại mà đi đến cuộc sáng tạo Hàn-tâm-viện Việt-Nam để định qui-tắc chắc chắn cho văn-học và đề lập văn pháp với tự-diễn cho cả nước thông dụng ; như Diderot chuyên lo sản xuất Văn-học tự-diễn ; như Littré hay Larousse chuyên sắp đặt mọi bộ Việt-Nam tự-vị hoàn toàn

đúng đắn mà giúp cho văn học được đoan chánh, minh bạch và phong-phú như văn-học Pháp ngày nay.



Ý kiến của tôi về vấn đề chấn-hưng quốc-văn là vậy đó.

Tôi chẳng quão phận bất tài, phải hổ thái-độ khiếm tôn cố hữu mà thổ lộ ra đây, chỉ vì niềm riêng yêu mến quốc-văn quá nồng nàn, không thể ôm-ấp mãi trong lòng được, bởi vậy tôi phải thổ-thẻ ít lời, mong được hực kiến-thức cao minh chiêm nghiệm.

Vĩnh-Hội, 15 Novembre 1944

HỒ BIÊU-CHÁNH



ĐOẠN TÌNH

— TIỂU-THUYẾT của HỒ BIỂU-CHÁNH —

(Tiếp theo Đ. V. T. C. số 47-48-49)

XII

QUA bữa sau.

Vì nhà người anh ở dưới chợ Tham Nhiên có đám kỵ côm, nên sớm mời bà chủ Hảo ngồi xe ngựa xuống đó mà ăn giỗ.

Cô Vân phải ở nhà coi nhà. Cô chưa kịp phân trần việc cô Hòa cho mẹ rõ. Ở nhà một mình cô buồn, nên vào phòng riêng ngồi đọc lại bức thơ của Thuần một lần nữa.

Cách một hồi, cô nghe dường như có tiếng xe hơi ngừng ngoài ngõ, nhưng vì trí cô mắc chằm chĩ về những câu của Thuần viết trong thơ, nên cô làm biếng bước ra coi.

Con nhỏ ở bước vào phòng mà nói: « Thưa cô, có cô ba xuống ».

Cô Vân chưng-hửng hỏi gọn gàng:

— Cô ba nào ?

— Cô ba ở trên Saigon, năm ngoái cô đưa xe hơi cô về dưới này đó.

Cô Vân biến sắc, lật đật đứng dậy đi ra ngoài.
Cô Hòa đương bước lên thềm, cặp mắt đỏ au, sắc mặt buồn nghiêng, mình mặc đồ đen, không son phấn chút nào hết, sau lưng lại có con xăm dẫu bé Hậu và con vú bông bé Hảo đi theo.

Cô Vân vừa ngo thấy thì la lớn : « Chị Hòa ! »

Cô Hòa bước vô ngo cô Vân trân trân và nói :

— Tôi tưởng không có chị ở nhà.

— Tôi ở nhà luôn luôn, ít đi đâu lắm.

Cô Vân bước lại hun bé Hậu vài cái, rồi đưa tay mà bông bé Hảo và nói : « Con tôi đã tròng cây rồi ».

Cô Hòa ngồi trên một cái ghế, lấy khăn lau nước mắt và hỏi :

— Bác đi đâu vắng ?

— Má tôi đi ăn-giỗ dưới chợ Tham-Nhiên.

Mời đi hồi nãy đây.

— Bác mạnh há ?

— Mạnh, Cám ơn chị.

Cô Vân muốn dò ý cô Hòa, nên làm tuồng như không hay biết việc Thuần, cô bông bé Hảo ngồi ngay cô Hòa và hỏi : « Co chi mà coi bộ chị buồn dữ vậy ? »

Cô Hòa xằng-xòm đáp :

— Ở nhà tôi khổ nê con tôi mà đi mất rồi.

— A !... Anh đi đâu ?

— Tôi có biết đi đâu mà nói :

— Tại sao anh bỏ vợ con mà đi ? Chị biết hôn ?

— Nói ở với tôi buồn cực chịu không nổi, nên phải đi. Điền lắm ! Hôm qua tôi có được thơ gửi về đây. Để tôi đưa cho chị xem

Cô Hòa mở hộp lấy ra một phong thư mà đưa cho cô Vân.

Cô Vân trao bé Hảo lại cho vú, rồi đứng vậy mời cô Hòa đi vào phòng riêng của mình mà nói chuyện cho tiện. Vào phòng rồi, cô Vân kéo ghế mời cô Hòa ngồi trước bàn viết. Cô mở bát cửa sổ cho sáng sủa, rồi mới ngồi ngay cô Hòa, mở phong thư ra đọc như vậy :

Mình ơi !

Tôi viết bức thư này mà từ biệt mình và từ biệt hai đứa nhỏ.

Tôi phải đoạn tình vợ chồng, đoạn tình cha con ; tôi phải bỏ cảnh gia đình, bỏ cuộc thương mãi, mà đặt bước phiêu lưu trong thế-giới, ấy là vì tôi thống khổ về tâm hồn nhiều quá, không thể chịu nổi nữa, nên tôi mới quyết định phân ly như vậy.

Tôi thống khổ là tại vợ chồng giáo dục bất đồng, tâm tánh bất hiệp, nó làm cho gia đình đã không được vui sướng như cảnh thiên đàng, mà lại còn hóa ra buồn-bực như miền địa ngục.

Có lẽ mình cũng thấy mấy năm nay trong gia-

định tôi muốn vui hết sức mà không bao giờ tôi vui được. lại tôi cũng hết sức lo làm cho mình vui mà mình cũng không thể vui. Niềm vợ chồng như vậy thì kéo dài ra nữa không ích gì, thà dứt phứt bây giờ là hay hơn.

Tôi viết thơ này trí tôi bình tĩnh, không phiền trách mình chút nào hết. Tôi xin mình cũng đừng phiền trách tôi. Ngày nay vợ chồng ta phải rời-rã, lỗi ấy không phải tại mình, mà cũng không phải tại tôi. Tôi thấy rõ rồi lỗi tại phong-hóa của xã-hội. cứ chăm lo làm cho con người vui sướng về hình-thức, không chịu lo bồi đắp nền luân-lý, để cho luân lý suy sụp, rồi uò kéo luôn gia đình phải ngã theo. Con người nếu không biết tôn trọng gia-đình, thì có thể nào mà làm cho gia-đình vững chắc được.

Trước khi tôi phế gia-đình của tôi, để lo đem luân-lý lại cho xã-hội, thì tôi đã sắp-đặt việc nhà rành-rẻ rồi hết.

Tôi đã sắm sẵn nhà cửa đẹp-để chắc-chắn cho mình ở với con.

Tôi đã khải khẩn xong sở ruộng dưới Cai-Bè để cho mình trâu hươ ợi, tuy không nhiều lắm song cũng đủ cho mình nuôi con ăn học.

Còn hãng « Thuận-Hòa » thì cuộc thương-mại vẫn lần phát như thường, mỗi năm dẫu thế nào cũng có lợi từ năm tới mười ngàn đồng. Tôi đã có lập tờ tại No-Te mà giao quyền cho mình làm chủ

ĐOẠN TÌNH

hãng. Tôi cũng có lập tờ phú quyền Tổng-lý (Tổng) hãng cho thầy hai Tịnh; thầy lãnh lương mỗi tháng, mà cuối năm thầy còn được hưởng huê-hồng tính 15%, trong số lời, làm như vậy đáng thầy tận tâm lo cho hãng. Thầy hai Tịnh đã thông thạo mà lại trung tín nữa. Người đó đáng tin cậy. Mình tự do, muốn san hàng cho người khác, hay là muốn đề mà làm luôn, có thầy hai Tịnh quản suất cho, cũng được, sự ấy tôi để mình thông thả mà liệu định.

Ra đi tôi lấy đem theo có 20 ngàn đồng bạc mà thôi, còn tôi để hết sự-sản lại cho mình kẻ có trên 100 ngàn. Tôi xin mình rán giữ-gìn sự-nghiệp ấy mà nuôi con.

Tôi giao hết hai đứa con cho mình dạy-dỗ. Bé Hậu là trai, chừng nó khôn lớn, xin mình rán ép nó học, học đặng mở-mang trí thức mà cũng phải học đặng tôn trọng luân-lý nữa mới được. Còn bé Hảo là gái, dầu giáo-dục trí-thức thiếu sót chẳng hại gì, chớ giáo dục luân-lý cần phải hoàn toàn. Nhất là trước khi gã nó lấy chồng mình phải xem xét lại cho kỹ, nếu nó biết đạo làm vợ, biết đạo làm mẹ rành-rẻ rồi mình sẽ gã.

Tôi còn xin mình hãy nhớ hai điều chơi này nữa:

1— Đừng nghĩ ngại tình của tôi với cô Vân vì tình ấy ả tình tri kỷ cao-thượng chớ không phải tình theo sắc-dục đê-liên như tình của thiên-hạ.

2— Đừng lập rên hai đứa con tôi chừng lớn

khôn chúng nó oan hân tôi, vì con oan cha là đều đại ác.

Tôi hỏi tôi khuyên mình hãy quên tôi, đừng thêm kẻ tôi thẳng chồng rõ tình bất nghĩa là tôi nữa.

THUẦN

Bài thơ

Cô Vân đọc thơ, thấy Thuận tuy không oan hân cô Hòa, song cũng không có tỏ một chút tình nào với cô Hòa hết, thì cô lấy làm tội nghiệp cho duyên phận của bạn, bởi vậy khi đọc dứt rồi, cô ngược lên thấy sắc cô Hòa áo-ăn, thì cô động lòng, nên cô ứa nước mắt. Cô bước lại nắm cánh tay cô Hòa mà nói : « Tôi biết được tâm hồn của anh Thuận, thì tôi lo sợ cho cuộc trăm năm của chị hết sức, mà lo sợ rồi cũng không cứu chữa được ! Tại họa đã tới rồi, bây giờ chị tính lẽ nào ? »

Cô Hòa đứng dậy choán tay ôm ngang mình cô Vân và khóc và nói : « Tôi bây giờ chẳng khác nao chiếc thuyền linh-dịch ngoài khơi, mà lại bị sóng dôi gió vấp. Tôi bối rối, không còn trí mà tính việc gì được, lại cũng không biết ai mà cậy tính giùm, bởi vậy tôi xuong đây nhờ chị liệu giùm cho tôi. »

Cô Vân thấy lòng bạn vẫn còn yêu mến tin tưởng mình, chớ không tỏ mọi nghi ngờ, thì cô càng thêm cảm xúc, nên cô hỏi :

— Chị không nghi tôi có tư-tình với anh Thuần hay sao ?

— Trong một năm nay thiệt tôi có lòng nghi chút đỉnh. Hôm qua tôi tiếp được thư của ở nhà tôi, ban đầu tôi nghi ở nhà tôi vì thương chị nên bỏ tôi; tôi chắc đã dắt chị đi rồi, đi ra khỏi xứ dặng lập cảnh đời khác với chị. Tôi xuống đây thiệt có ý muốn đo coi sự tôi nghi đó có nhầm hay không, chẳng dè tôi gặp chị ở nhà, tôi rất hồ thắm về sự tôi nghi quấy. Xin chị tha lỗi cho tôi.

Cô Vân đang ra, rồi kéo ghế ngồi một bên cô Hòa. Cô ngó ngang qua cửa sổ, thấy ngoài vườn nắng dọi ngọn cây sáng trưng, gió thổi tàu chuối lúc-lắc. Cô suy nghĩ một chút, rồi chậm rãi nói với cô Hòa :

— Anh Thuần là người chán đời. Anh có nói với tôi mấy lần, anh lớp gia-thất là cố ý muốn tìm sự vui với vợ con để giải bớt nỗi buồn vì xã-hội. Anh lập cuộc thương-mại là cố ý muốn đem hết trí não, mà lo về sự ấy, dặng khỏi nhớ tới cách cư-xử dè tiện của thiên hạ. Anh như người có bệnh, nếu chị biết cách điều trị, thì tự nhiên bình anh sẽ dứt. Tôi đã có khuyên chị phải lập thể làm cho anh vui lòng luôn luôn; hễ anh vui lòng thì gia-đạo vững bền, chị khỏi lo dều chi khác. Có lẽ tại chị quên lời tôi dặn, chị đã không làm cho anh vui, mà chị còn ghêa tương hoai, nên anh nào-nề

cuồng trí rồi ảnh bỏ hết mà đi chớ gì.

— Chi nói phải. Tại tôi không nghe lời chi nên gia-đạo tôi mới xáo xáo như vậy. Chứng bệnh ghen thiệt là khốn nạn. Tôi biết tôi ghen tôi làm cho ở nhà tôi buồn bức lung lắm. Tôi muốn bỏ cái thói ấy hết sức, mà không hiểu tại sao tôi bỏ không được, trong trí cứ ghen ngăm-ngăm hoài, cứ lo sợ ở nhà tôi thương người khác mà bỏ mẹ con tôi. Chi nói phải lắm. Tại tôi ghen, tôi làm cho ở nhà tôi bức lòng cuồng trí, nên mới phũ hết mà đi. Tôi khốn nạn lắm. Đã biết vì thương chồng nên mới ghen. Mà thương chồng lại làm cho chồng buồn rầu, cách thương như vậy thiệt là đại quá. . Chi Van ôi, bây giờ tôi mới biết tôi có lỗi với ở nhà tôi nhiều, nên tôi ăn-năn lung lắm. Năm sáu năm nay ở nhà tôi làm cực khổ hết sức mới sắm được nhà cửa tử-tế, mới có cái hăng phát đạt. Tại tôi mà bây giờ ở nhà tôi phải bỏ hết, không thêm bùong, đem thân lưu-lạc xứ người, đau ốm không ai nuôi, nghèo nàn không ai giúp. Tôi nhớ tôi nổi ấy, thì tôi muốn chết phứt cho rồi, chớ sống đặng sung sướng tâm thân, còn để ở nhà tôi bơ-vơ hải-ngoại, thì sống làm sao được.

— Họa chưa đến thì phải lo ngăn ngừa trước. Mà hễ ngăn ngừa không được, để họa đến rồi, thì phải tỉnh trí vững lòng mà dõm dưng, chẳng nên náo nê bất chí. Thôi, bây giờ chi chẳng nên buồn

rầu rầu lắm, chị phải rầu bình tâm định trí mà lo quản suất việc nhà, lo nuôi dưỡng sắp nhỏ. Trong thư anh Thuần không có nói rõ anh đi đâu và đi làm việc gì. Vậy mà chị có nghe anh tính đi đâu hay không?

— Trưa hôm qua tôi tiếp được thư rồi, tôi bủn-rủn tay chơn. Tôi chạy ra ngoài hăng mà hỏi thầy hai Tịnh với mấy thầy, thì ai nấy đều chững-hững, không dè chuyện gì hết. Họ nói cách 3 ngày trước ở nhà tôi than mệt, dặn thầy hai Tịnh coi hăng đang ở nhà tôi ra Long-Hải nghỉ ít bữa. Từ bữa đó ở nhà tôi không có ra ngoài hăng nữa. Mà trong 3 bữa trước ở nhà tôi cứ ở trong nhà với tôi, chớ không có đi Long Hải. Sớm mai hôm qua mới đi, nói đi ra hăng. Đến trưa thì tôi được thư. Tôi không hiểu đi đâu.

— Chị có hỏi thăm coi buổi sớm mai hôm qua có tàu chạy đi Tây hay không?

— Có. Tôi nghe nói hồi 8 giờ sáng hôm qua có hai chiếc tàu thơ chạy một lượt, một chiếc đi qua Marseille, còn một chiếc đi qua Nhứt-Bồn. Tôi liền qua băng Nhà-Rồng xin coi sổ hành khách đi 2 chiếc tàu đó, thì không có tên ở nhà tôi, mà tôi hỏi sổ Mật-Thăm, thì ở nhà tôi cũng không có xin giấy thông-hành.

— Nếu vậy thì anh đi đường bộ, chắc anh ra Hà Nội.

— Hôm qua tôi có gặp một thầy kỹ trong hãng lấy xe chạy ra Long-Hải, Nước Ngọt, Vũng Tàu mà kiếm. Hồi khuya thấy về thấy nơi kiếm không có. Tôi cũng có gặp hai thầy khác, một thầy đi Dalat, một thầy đi Hanoi mà kiếm nữa. Tối nay họ sẽ đi.

— Tôi tưởng kiếm không ít gì. Anh Thuận đã quyết đi, nên anh sắp đặt công việc nhà ranch rõ hết. Dầu mấy người đi kiếm có gặp anh đi nữa, chắc họ không tài gì mà noi cho anh trở về được.

— Cũng phải kiếm cho biết đi đâu chờ.

Cô Vân suy nghĩ một chút rồi cô chặm-rải nói :

— Dầu không kiếm, rồi đây anh Thuận cũng sẽ trở về.

— Thợ đã nói quả quyết, lại sự-nghiệp đã giao hết cho tôi, bởi vậy tôi sợ không về đâu.

— Sẽ về. Tôi chắc anh về, là vì anh thương con và yêu gia-đình. Lúc ở đồng tri không ai an-ủi, nên anh làm liều. Rồi đây anh nhớ con, anh sẽ ăn-năn hối-bận mà trở về ồ.

— Tôi vài cho lời chị nói đó sẽ có ý như vậy. Mà từ hôm qua tôi được thợ rồi tại trong lòng tôi buồn rầu lo sợ quá.

— Anh Thuận là một người có tài nghề, có tri thức, lại có giáo dục hoàn toàn. Tôi chắc dầu đến xứ nào anh cũng khỏi vất vả cực khổ, mà dầu làm công việc gì anh cũng không chịu dễ nhục nhả thân danh. Vậy chị chẳng cần phải lo cho

phận ảnh. Mà dầu chị muốn lo, chị cũng không có phương thể lo được. Tôi xin chị phải để trí mà lo sắp đặt việc nhà. Những việc ảnh phụ thác cho chị đó, chị tính làm thế nào mà tán thành theo ý ảnh muốn? Chị dạy đồ hai cháu cách nào? Chị để băng mà cai-quản hay là chị phải bán?

— Tôi bây giờ như người không có hồn, tôi không tính việc gì được hết. Tôi xin chị thương tôi, chị giúp tính giùm cho tôi. Việc của tôi cũng như việc của chị. Chị liệu coi phải làm thế nào thì tôi sẽ theo ý chị định.

Cô Vân nắm tay cô Hòa và ngó ngay mặt mà hỏi :

— Chị tin bụng tôi lắm hay sao?

— Nếu tôi không tin chị, thì còn biết tin ai!

— Chị có biết anh Thuận có tình với tôi, mà tình ấy nặng lắm hay không?

— Tôi đã nói tôi nghi.

— Chị phải tin chắc, chớ đừng có nghi nữa.

Thiệt anh Thuận có tình với tôi nặng lắm. Có tình mà vì ảnh trọng gia-đình của ảnh, ảnh trọng danh-dự của tôi, nên ảnh không gần tôi được. Sự ghen tương của chị đã làm cho ảnh buồn, mà sự tôi gieo tình còn làm cho ảnh buồn thêm nữa, nên ảnh chịu không nổi ảnh mới đi đó. Vì chị tin tôi, nên tôi phải tỏ thiệt với chị. Gia đình của chị rồi rã, tôi nghĩ lại tôi cũng có tội một phần trong đó.

Cô Hòa chưng-hững, ngồi ngó cô Vân sững-sôi rồi nói : « Có lẽ nào mà có chuyện kỳ-cục như vậy. Chị muốn chọc cho tôi phát điên hay sao chứ ».

Cô Vân bước lại kéo học tử bàn viết mà lấy ra bức thơ với tập nhựt-ký của Thuần, rồi đưa hết cho cô Hòa và nói : « Chiều hôm qua tôi cũng có tiếp-được thơ của anh từ biệt. Chị coi thì chị sẽ biết tôi nói thiệt hay là phỉnh-phờ ».

Cô Hòa mở thơ ra ngồi đọc.

Cô Vân lên giường nằm rồi kéo mền dầy mặt mà khóc.

Bé Hận biểu con xầm dất nó ra ngoài vườn hái ổi cho nó ăn ; nó cười nói om-sòm, không đề cha nó đã xa cách dặm ngàn, mẹ nó đương ưu sầu nát ruột.

Cô Hòa ngồi chằm-chỉ đọc rất kỹ-lưỡng, đọc bức thơ rồi đọc luôn tập nhựt-ký. Chừng đọc dứt rồi, cô thấy cô Vân nằm trên giường, cô mới bước lại ngồi một bên, cô đỡ cái mền ra và khóc và nói : « Chị Vân, theo thơ với lời nhựt-ký của ở nhà tôi gởi cho chị đó, thì chị có lỗi gì đâu. Chị cao-thượng lắm. Chị hết lòng lo chống vững giùm gia-đình cho tôi. Tại tôi khờ-khạo nên phá hoại ; ấy lỗi tại nơi tôi mà thôi, chứ nào phải tại chị. Tôi cảm ơn hết lòng của chị, tôi kính-phục thái-độ của chị lắm. Đọc tập nhựt-ký của ở nhà tôi rồi, tôi càng thấy lỗi của tôi rõ hơn nữa, tôi càng ăn-năn nhiều

hơn nữa, Trước kia chị đã thương tôi, thì bây giờ chị còn phải thương tôi nhiều hơn nữa. Ngày nay tôi như người té dưới giếng, lạc trong rừng. Xin chị kéo giùm tôi lên, xin chị chỉ đường giùm cho tôi ra. Nếu chị bỏ tôi thì chắc tôi phải chết. »

Hai cô nắm tay nhau mà khóc.

Cô Vân nói :

— Nhìn mặt chị tôi hồ thẹn quá !...

— Tại sao vậy ?

— Tôi được biết anh Thuần có tình với tôi rồi thì tôi cũng có tình với anh nữa. Tuy tôi đoạn tình được, song tôi cũng có lỗi với chị.

— Có tình mà rồi chị đoạn tình được, thì có lỗi gì đâu mà hồ thẹn. Đoạn tình tự nhiên đau-dớn lắm ; mà chị có đủ can đảm làm được như vậy, thì chị cao-thượng ít ai sánh kịp.

— Thiet chị không trách tôi hay sao ?

— Chị có lỗi chỗ nào mà tôi trách được, Tôi kính phục chị lắm chớ, Xin chị đừng ái ngại nữa. Chị ngồi dậy mà tính giùm coi tôi phải làm sao bây giờ.

Cô Vân ngồi dậy. Hai cô lau nước mắt.

Cô Hòa nói :

— Trong bọn chị em thuở nay, tôi tin bụng chị hơn hết, tin hơn chị hai tôi nữa. Thiet tôi tin không lầm. Chớ chị tôi được ở gần chị, nhờ chị chỉ bảo hằng ngày thì chắc ngày nay vợ chồng tôi khỏi rời rã như vậy.

— Cái đó không chắc l...

Cô Hòa đương buồn rầu, mà nghe mấy lời này thì cô chúm-cuim cười.

Cô Văn lơ-lững nói tiếp:

— Ở gần nhau hiềm nghèo lắm, bởi vậy tôi sợ, nên hơn một năm nay tôi lánh mặt, không dám lên thăm chị nữa, đến ngày ăn thối-nôi cho bé Hảo chị gọi thơ mời, mà tôi cũng không dám lên.

— Cảm ơn chị.. Cha chả, nếu chị không thương tôi, chị đành up với ở cha tôi, thì chắc tôi tự vận tôi chết liền.

— Chị thấy hay không ?..

— Bình ghen dữ tợn lắm, chị à

— Bây giờ chị bớt ghen nay chưa ?

— Còn gì nữa mà ghen l...

— Chị hết ghen thì tôi mới gần chị được.

— Tôi hết ghen rồi

— Chắc hơn ?

— Chắc. Chị làm ơn lên tính giúp việc nhà cho tôi

— Tính lẽ nào ?.. Anh Thuần bỏ vợ con nhà cửa mà đi, dầu anh không nói rõ, mà anh giao hết sự nghiệp cho chị trọn quyền làm chủ, thì đủ cho mình thấy ý anh không muốn trở về. Tuy vậy mà tôi tưởng bây giờ anh đương buồn trí, nên anh đoạn tình vợ chồng, đoạn nghĩa cha con mà đi, chờ một ngày kia hoặc anh trọng tuổi rồi đổi tâm,

hoặc ảnh gặp hoàn cảnh làm cho ảnh nhớ lại vợ con, thì có lẽ ảnh sẽ trở về. Huống chi ảnh có nói ảnh đi đăng ảnh lo làm cho các gia-đình khác được thuận hòa đầm ấm, lo làm cho luân-lý của xã-hội được thuần mỹ rõ ràng. Nếu ảnh không trở về, thì ảnh làm sao mà đạt được cái mục-đích của ảnh. Vậy xin chị dẫu lòng an phận. Tôi tin chắc chẳng sớm thì muộn, thế nào ảnh cũng về.

— Tôi vái vâng cho lời chị nói đó sẽ có ý như vậy.

— Sẽ có. Vậy tôi khuyên chị phải gắng chí mà giữ-gìn cho bền vững các sự nghiệp của ảnh sáng tạo, dặng ngày ảnh trở về chị khỏi nỗi vui ảnh.

— Nhà cửa ruộng đất thì tôi chắc giữ vững, duy có cái hăng khó quá, tôi sợ lo không kham.

— Sao mà chị sợ? Nếu vậy đòn ba không làm nổi những việc lớn-lao hay sao?

— Phải có chị giúp sức với tôi, thì cái quảng hăng mới nổi. Thôi, chị hùn vốn vô, rồi cái dựng cái quảng thế cho tôi.

— Ý tôi muốn lo làm việc khác

— Việc gì?

— Trong thơ anh Thuần gửi cho tôi ảnh có khuyên tôi lập nhà trường để chuyên dạy nhi-nữ về khoa gia đình giáo-dục. Đời này người ta ham trí-thức giáo dục thái quá, ham đến nỗi bỏ dẹp gia-đình giáo-dục, bởi vậy gia-đình không có luân-lý

để làm gốc, nên không vững bền, không vui vẻ. Gia-đình của chị mà bị rời-rã đây, ấy cũng tại thiếu giáo-dục nên mới ra như vậy. Sự lập nhà trường đó tôi đã có ý muốn làm từ hồi năm ngoái. Mà tôi cũng đã cho phép tôi rồi. Tôi chưa làm là tại tôi sợ gần anh Thuần, nên tôi phải đình sự ấy lại. Bây giờ không còn cái sợ đó nữa, có lẽ tôi sẽ lên Saigon mà lập trường dạy trẻ em gái biểu đạo làm vợ, biểu đạo làm mẹ, dựng xây nền hạnh-phước gia-đình cho xã-hội hưởng ngày sau. Làm như vậy có ba điều tiện lợi: một là đạt được cái mục-đích của tôi ham mộ thuở nay, hai là dung theo lời khuyên của anh Thuần, ba là ở gần chịặng giúp sức cho chị cai quản băng « Thuần-Hòa » được thanh lợi luôn luôn, và giúp sức cho chị dạy dỗ hai đứa nhỏ cho chúng nó ngày sau trở nên người đúng-dắn, trai có tánh nghĩa dũng, gái có tiết trung trinh, trai và gái đều biết tôn trọng gia đình, biết giữ gìn danh-dự.

— Chị tính hay quá ! Tôi mừng lắm. Để bác về, chị thưa cho bác hay rồi chị đi liền với tôi lên Saigon mà táng thành việc ấy.

— Mời chị ở chơi, đợi xế mát má tôi về, tôi thưa lại với má tôi rồi tôi sẽ đi với chị.

— Cám ơn. Tôi cảm ơn chị lung lắm.

— Chị khỏi cảm ơn. Vì lập tri-kỷ nên tôi phải rần mà lo.

— Tôi không cần biết chị vì cái gì, tôi chỉ biết trước kia chị có lòng lo nung nấu gia-dình tôi, bây giờ chị lại lo cứu vớt tôi lúc tôi đang nguy ngập, nên tôi cảm ơn chị.

— Chị đừng ghen nữa, nghe hôn.

— Chị vì tôi mà đoạn tình, lẽ nào tôi không vì chị mà bỏ ghen.

Hai người nhìn nhau mà cười, rồi đi ra ngoài chơi với hai đứa nhỏ.

Đến xế bà chủ Hào về thấy mẹ con cô Hòa thì bà rất vui mừng. Vì ít con cháu nên gặp bé Hân với bé Hảo thì bà theo nung-niu hoài. Cô Hòa dạy con, biểu kêu bà bằng bà ngoại, thì bà càng vui lòng thêm nữa.

Cô Vân thuật chuyện cô Hòa bị chồng bỏ lại cho mẹ nghe và xin phép đi lên Saigon ở ít ngày đăng trước an-ủi cô Hòa sau kiếm nhà lập trường học luôn thể. Bà chủ hăng lòng cho phép liền.

Cô Hòa với cô Vân từ giã bà chủ rồi dắt hai đứa nhỏ lên xe, tình thân-ái tràn trề, trí lẫn thủ hăng hái

Xe-hơi phát chạy, chở theo hai khối-tình, tuy tánh chất khác nhau, mà cũng nồng-nà như một.



XIII

MỘT năm đã qua

Cô Hòa nhờ Cô Vân an-ủi, khuyên lơn và giúp đỡ, nên cô đã bớt buồn nỗi chồng bỏ, lại hăng hái lo cho hãng « Thuần Hòa » thanh phát như thường, và lo dạy dỗ nuôi dưỡng hai con, đứa nào cũng sồn-sơ ngô-ngĩnh.

Bé Hậu từ nhỏ đã triểu mến cha, nên nó thường nhớ và nhắc cha. Mỗi lần nó hỏi cha nó đi đâu, thì cô Hòa lạnh ngắt trong lòng; cô kiểm cách nói gạt con cho dứt câu chuyện, mà cặp mắt cô ướt-rướt. Hễ nghe con nhắc, thì cô ău-năn, cô tự nhận tại cô mà con phải xa cha, chồng phải lưu-lạc. Rồi cô đi kiếm cô Vân mà tỏ lời hỏi han để nghe những câu an ủi của bạn đảng vững chí bền lòng.

Còn cô Vân bây giờ cô quản suất một nhà trường lớn gần chợ Tân-Định trường để bản hiệu là « Việt-nữ học đường », chuyên dạy nữ-hạnh nữ-công gồm một dãy 10 căn lầu, chứa đến hai trăm rưởi nữ sanh-viên. Hai hạng thượng-lưu và trung lưu ở Lục-tĩnh vì ái mộ tôn-chỉ của trường, và nhất là kính mến dụng hạnh của người sáng lập, nên ai cũng xin gởi con gái ở học, quyết

đem lại cho gia-đình cái tinh-thần chơn-chánh thanh cao để thay thế cho những thói vật-dục gian tà, để tiện trót mấy năm đã tràn lan trong xã-hội. Được lòng tin-nhiệm của công chúng cô Vân rất hài lòng, mà cũng rất lo sợ, bởi vậy ngày đêm cô phải đấu đấu với cái thiên-nhức ; « *đào tạo người vợ hiền, bà mẹ lành, cho gia-đình Việt-Nam.* »

Tuy nhiệm-vụ của cô Vân rất nặng-nề, nhưng mà cô còn phải lo giữ-tinh-thần cho cô Hòa, và lo quân suất giúp cho hãng Thuần-Hòa bền vững nữa. Mỗi ngày cô phải gặp cô Hòa một lần, nếu cô Hòa không ghé trường, thì cô vào Cây-Quêo.

Một buổi chiều chửa-nhứt, cô Hòa mời cô Vân vào nhà cô ăn cơm đặng nói chuyện chơi cho vui.

Lúc trời chạng-vạng, hai cô ngồi giữa hoa viên, bé Hậu rước bắt con chó xi, còn bé Hảo đi lăm-lăm trước mặt cô Vân mà chơi. Thình-lình có xe hơi ngừng ngoài ngõ, rồi một người đàn-ông và một người đàn-bà xuống xe đi vào.

Vì trời đã lờ-mờ, khó thấy rõ được, nên cô Hòa đứng dậy, có ý trông khách lại gần đặng xem cho biết. Nhưng cô thấy rõ vợ chồng ông giáo sư Kiêm, cô vừa muốn cất tiếng chào mừng, thì ông Kiêm la lớn : « May dữ ! Có Madame Thuần ở nhà đây ! »

Cô Hòa chào khách, tiến dẫn cô Vân cho vợ chồng ông Kiêm biết, rồi mời hết vào nhà.

Ông Kiêm cần mà nói : « Khoan. Tôi xin Madame cho phép tôi hỏi một câu đả. Bạn tôi là M. Thuần bỏ nhà mà đi hơn một năm nay, Madame có giận hay không ? »

Câu hỏi lạ lùng ấy làm cho cô Hòa chưng-hững. Cô chau mày, dục-dục, rồi thủng-thắng đáp :

— Ở nhà tôi giận tôi nên bỏ mẹ con tôi, chớ tôi có giận đâu.

— Té ra Madame không giận M. Thuần ?

— Thưa, không.

— Ví như M. Thuần trở về, Madame vui hay không ?

Cô Hòa chồm chồm cười, chớ không trả lời.

Ông Kiêm liền day mặt ra đường mà kêu lớn :
« Ê ! Thuần, vợ bạn không có giận bạn. Vậy bạn vô đây ».

Cô Hòa với cô Vân nhìn nhau chưng-hững.

Bà Kiêm ngó hai cô mà cười.

Thiệt quã Thuần xuống xe thủng-thắng đi vô sân. Bé Hậu vừa thấy dạng cha, thì chạy riết ra đón và ôm cha mà mừng. Thuần cúi xuống bồng con và hôn và đi vô.

Cánh cha con mừng nhau làm cho ai nấy đều cảm xúc, nên đứng lặng-lẽ mà ngó, không ai nói chi hết.

Thuần vô tới, ngó thấy bé Hảo đương đi lăm đề n, thì đề bé Hậu đứng xuống, rồi đưa tay ôm

bé llảo. Tuy cách biệt cha hồi mới quá thôi-nôi, và cách biệt đã hơn một năm rồi, song bé Hảo dường như có tình máu thịt mạch bảo, nên không nhút-nhát, để cho Thuần bồng, lại ngó Thuần mà cười ngổn ngổn.

Cô Hòa cảm-động quá, dẫn lòng không được nữa, nên cô vói tay vịn vai cô Vân, mà nước mắt tuôn dầm-dề.

Thuần bước tới nói với vợ : « Tôi làm cho mình phải buồn rầu cực nhọc hơn một năm nay, tôi lỗi với mình nhiều lắm. Năm ngoài tôi diên, nên tôi đi lạc đường. Xa gia đình rồi, tôi mới thấy chỗ quấy của tôi. Không thể bỏ dứt vợ con được, nên tôi phải trở về đây ; xin mình tha lỗi cho tôi ».

Cô Hòa úp mặt trong ngực chồng mà khóc.

Thuần tiếp nói với cô Vân : « Tôi rất cảm ơn cô Vân ở nhà hết lòng bảo bọc cho gia-đạo của tôi ».

Cô Vân cười mà đáp : « Tôi biết thế nào anh cũng về. Ma cái định ái tình của anh đó, anh đã trị được hay chưa ? ».

Thuần gặc đầu đáp : « Tôi trị đã dứt rồi. Từ rày cô là em gái qui của tôi ».

Cô Vân hỏi cô Hòa : « Còn chị Hòa, chị đã trị bệnh ghen của chị dứt rồi hay chưa ? ».

Cô Hòa cứng cổ đáp : « Tôi bữa tôi sẽ bỏ dứt tánh củ, mà làm cho chồng tôi vui thú gia-đình mẫu đời ».

Ông Kiêm vỗ tay la lớn : « Hay lắm ! Tốt lắm !
Tôi mừng cho chồng vợ thuận hòa, cha con sum
hiệp. Ờ ! Trong nhà đã dọn cơm xong rồi kia.
Thôi, vô ăn cơm chung với nhau mà mừng ngày
phu-thê tái hội nè ».

Thuần một tay Lồng bé Hảo, một tay dắt bé
Hân, đi trước, còn mấy người đi theo sau mà vô
nhà, cảnh nhà vui vẻ, đèn đốt sáng trưng.

Vĩnh-Hội Décembre 1940

CHUNG

Tirage 1.000 ex.

Autorisée par arrêté du Gouverneur Général

N° 500N du 17 Juillet 1942

Imprimerie THANH MẬU
3, rue de Reims — Saigon

L'Administrateur Gérant
— HỒ VĂN KỶ-TRẦN —



Giá : 1 \$ 00